

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 27/9/2025
V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Trâm.
2. Nguyễn Hùng Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, Thông báo hoãn phiên tòa số 15/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C - Số A đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 2002, số CCCD 045202006073; địa chỉ: H N, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, Thành phố Đà Nẵng); là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-KK-SVFC ngày 03/3/2025 và văn bản ủy quyền số 18/UQ2025 ngày 04/3/2025); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang V; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn V, xã V, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/11/2019, Công ty T, (Sau đây gọi tắt là “Công ty T” hoặc “Công ty”) và ông Lê Quang V có ký hợp đồng cho vay số 100169451 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”). Theo đó, Công ty T cho ông Lê Quang V vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay: Chi phí sửa chữa nhà ở/mua nhà ở; loại hình vay: Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Theo Bản điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất theo quy định của hợp đồng, lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Vào ngày 04/11/2019, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) cho ông Lê Quang V.

Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Lê Quang V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 01(Một) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 2.034.549 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 01/12/2019, kỳ cuối cùng vào ngày 01/11/2023. Tuy nhiên, đến nay ông Lê Quang V chỉ mới thanh toán tổng cộng 13 kỳ với tổng số tiền 26.736.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*), trong đó: Gốc đã trả: 7.318.572 đồng; lãi đã trả: 19.417.428 đồng.

Ông Lê Quang V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/01/2021, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Lê Quang V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Lê Quang V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 27/09/2025 tổng cộng là 156.387.735 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 42.681.428 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 28.527.745 đồng
- Lãi chậm trả/lãi quá hạn: 10.593.774 đồng
- Lãi chậm trả/gốc quá hạn (lãi quá hạn): 74.584.788 đồng

Yêu cầu ông Lê Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/09/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi chậm trả là: 10.593.774 đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Quang V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 27/09/2025 tổng cộng là 145.793.961 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 42.681.428 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 28.527.745 đồng
- Lãi chậm trả/gốc quá hạn(lãi quá hạn): 74.584.788 đồng

Yêu cầu ông Lê Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/09/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quang V. Tuy nhiên ông V không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Lê Quang V phải trả cho Công ty T tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2025 là 145.793.961 đồng, trong đó nợ gốc là 42.681.428 đồng, nợ lãi là 28.527.745 đồng, lãi quá hạn là 74.584.788 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu về khoản tiền lãi chậm trả 10.593.774 đồng mà Công ty T đã rút. Bị đơn ông Lê Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quang V. Ông V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Quang V.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 04/11/2019, ông Lê Quang V có ký hợp đồng tín dụng số 100169451 với Công ty T. Hợp đồng tín dụng số 100169451 ký ngày 04/11/2019 là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có

hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch.

[4] Xét về khoản nợ gốc: Ông Lê Quang V đã nhận được số tiền vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 100169451 và chỉ trả được 7.318.572 đồng tiền gốc, vì vậy ông V phải có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 42.681.428 đồng cho Công ty T.

[5] Xét về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số 100169451 ký ngày 04/11/2019, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 38%/năm. Theo Bản điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất theo quy định của hợp đồng. Thời hạn vay 48 tháng. Sau khi vay, bị đơn ông Lê Quang V chỉ trả được 13 kì lãi với số tiền là 19.417.428 đồng. Tại bảng kê tiền lãi chi tiết, tiền lãi trong hạn ông V phải trả được tính trên số tiền gốc tương ứng với kỳ trả nợ, mức lãi suất 38%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi là 01/12/2019, kỳ cuối cùng vào ngày 01/11/2023. Tuy nhiên đến 01/01/2021 ông V đã không trả thêm khoản tiền gốc và lãi nào. Đối với số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả được nguyên đơn tính trên số nợ gốc phải trả hàng tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn từ 01/01/2021 cho đến 01/11/2023, mức lãi suất là 19%/năm. Kể từ sau ngày 01/11/2023, số nợ gốc của ông V đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ với lãi suất là 57%/năm. Xét khoản tiền lãi, lãi quá hạn của nguyên đơn đã yêu cầu phù hợp với hợp đồng tín dụng đã kí kết, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức Tín dụng nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của Công ty T là có căn cứ, nên cần chấp, buộc ông Lê Quang V phải trả cho Công ty T tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 tổng cộng là 145.793.961 đồng, trong đó nợ gốc là 42.681.428 đồng, nợ lãi là 28.527.745 đồng, lãi quá hạn là 74.584.788 đồng.

Đối với khoản tiền lãi chậm trả 10.593.774 đồng, nguyên đơn đã rút yêu cầu nên cần đình chỉ.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số nợ phải trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cụ thể: 145.783.961 đồng x 5% = 7.289.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc ông Lê Quang V phải trả cho Công ty T số tiền đã vay tính đến ngày 27/9/2025 là 145.793.961 đồng, trong đó nợ gốc là 42.681.428 đồng, nợ lãi là

28.527.745 đồng, lãi quá hạn là 74.584.788 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 100169451 ký ngày 04/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 100169451 ký ngày 04/11/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T về khoản tiền lãi chậm trả 10.593.774 đồng.

3. Về án phí: Ông Lê Quang V phải chịu 7.289.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.478.000 đồng theo biên lai số 0000430 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Trị).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS KV6-Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương